

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Số: 04.2026/CBTT-KHD

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: KHD
- Địa chỉ: Số 87 Vũ Mạnh Hùng, khu dân cư số 2, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại liên hệ/Tel:..... Fax:
- Email: Hamicokshd@gmail.com
- Website: Khoangsanhaiduong.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

BCTC riêng;

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2026 tại đường dẫn: <http://khoangsanhaiduong.com> – **Mục thông tin cổ đông - Báo cáo tài chính**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC hợp nhất năm 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)


NGUYỄN HỮU KHIÊM

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG
SẢN HẢI DƯƠNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Mỏ đá với Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ 1986; Đến năm 1977 được đổi tên thành Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0403000075 đăng ký lần đầu ngày 18/07/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp (nay là Sở tài chính thành phố Hải Phòng)

Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 08 năm 2025; mã số thuế 0800282498

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 32.628.180.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông: Ngô Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	bỏ nhiệm 25/04/2024
Ông: Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	bỏ nhiệm 27/04/2021
Ông: Phạm Hồng Thịnh	Thành viên HĐQT	bỏ nhiệm 25/04/2024
Ban Kiểm soát Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông: Bùi Văn Quang	Trưởng ban kiểm soát	bỏ nhiệm 27/06/2022
Ông: Hồ Văn Tuấn	Thành viên ban kiểm soát	bỏ nhiệm 25/04/2024
Bà: Phạm Thanh Hoa	Thành viên ban kiểm soát	bỏ nhiệm 23/06/2025
Ông: Cao Văn Cẩn	Thành viên ban kiểm soát	miễn nhiệm 23/06/2025
Ban Tổng Giám đốc Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc	bỏ nhiệm 27/04/2021
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc	bỏ nhiệm 27/04/2021
Ông Nguyễn Hữu Khiêm	Kế toán trưởng	bỏ nhiệm 27/04/2021

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư 18/2025/TT – BTC ngày 26/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2026

==
95
-
N
'N
T
4
J
C
-
P
==

Số: 23091.1/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

==
3
H
A
C
C
3
==

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh 2.2 – “Giả định hoạt động liên tục”, trong đó mô tả việc Công ty đang tạm ngừng hoạt động kinh doanh khai thác đá do các mỏ đá đã hết thời hạn khai thác.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Kiểm toán viên đưa ra ý chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo kiểm toán độc lập số 031404/2025/BCKT-iCPA ngày 14 tháng 03 năm 2025.



NGUYỄN HỮU HOÀN
Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số : 2417-2023-283-1

THIỆU SỸ MINH
Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số : 5243-2025-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

11/03/2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2025	01/01/2025
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.905.082.630	35.944.627.345
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	31.465.024.795	12.927.255.250
1. Tiền	111		9.465.024.795	11.427.255.250
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	1.500.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	9.600.000.000	8.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.600.000.000	8.500.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.305.175.113	13.047.667.709
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.902.157.750	4.457.988.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	112.000.000	58.217.460
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	10.843.976.863	10.084.421.499
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.552.959.500)	(1.552.959.500)
IV/ Hàng tồn kho	140		364.637.027	340.062.224
1. Hàng tồn kho	141	4.8	364.637.027	340.062.224
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.170.245.695	1.129.642.162
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	64.758.065	49.592.547
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		400.632.464	380.033.141
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.14	704.855.166	700.016.474
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.640.555.802	25.184.930.208
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		533.735.483	487.184.153
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	533.735.483	487.184.153
II/ Tài sản cố định	220	4.7	4.191.391.444	5.011.609.984
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.191.391.444	5.011.609.984
- Nguyên giá	222		17.173.300.554	16.866.431.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.981.909.110)	(11.854.821.182)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	306.869.388
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	306.869.388
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		18.915.428.875	19.379.266.683
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	15.455.207.530	14.621.462.336
2. Lợi thế thương mại	269	4.10	3.460.221.345	4.757.804.347
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		78.545.638.432	61.129.557.553

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2025	01/01/2025
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		25.715.238.897	19.029.642.730
I/ Nợ ngắn hạn	310		25.090.706.362	17.513.783.767
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.850.000	59.216.800
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		436.456.500	265.354.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	8.290.322.232	4.760.552.678
4. Phải trả người lao động	314		1.020.878.000	1.184.498.888
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	293.924.266	253.207.204
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	3.719.458.523	265.700.520
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.13	10.987.755.491	10.690.891.827
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		338.061.350	34.361.350
II/ Nợ dài hạn	330		624.532.535	1.515.858.963
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.13	624.532.535	1.515.858.963
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.15	52.830.399.535	42.099.914.823
I/ Vốn chủ sở hữu	410		52.830.399.535	42.099.914.823
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.199.329.261	9.469.549.096
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.453.337.676	3.850.020.610
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.745.991.585	5.619.528.486
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.890.274	2.185.727
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78.545.638.432	61.129.557.553

Người lập biểu
Trần Thị Vân

Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Khiêm



Giám đốc

Đào Văn Dũng

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	47.915.120.000	32.973.057.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.915.120.000	32.973.057.500
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	20.609.511.628	14.529.895.959
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.305.608.372	18.443.161.541
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.100.985.435	343.944.497
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	8.623.877.932	10.739.566.335
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.782.715.875	8.047.539.703
12. Thu nhập khác	31	5.5	196.533.705	656.681.750
13. Chi phí khác	32	5.6	1.048.950.759	138.790.910
14. Lợi nhuận khác	40		(852.417.054)	517.890.840
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.930.298.821	8.565.430.543
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	4.551.246.056	3.029.852.142
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(84.968.990)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.379.052.765	5.620.547.391
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		14.377.400.585	5.619.528.486
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		1.652.180	1.018.905
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.406	1.722
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.406	1.722

Người lập biểu
Trần Thị Vân

Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Khiêm



Giám đốc
Đào Văn Dũng
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.930.298.821	8.565.430.543
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.559.828.377	1.444.424.669
- Các khoản dự phòng	03	1.036.946.236	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.100.985.435)	(944.118.419)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.426.087.999	9.065.736.793
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	797.739.151	783.752.541
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(24.574.803)	(80.988.021)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	3.229.414.932	1.836.017.040
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(848.910.712)	(418.765.170)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(4.032.102.532)	(356.015.786)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(252.400.000)	(74.925.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.295.254.035	10.754.811.461
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(882.076.401)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	613.097.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.600.000.000)	(8.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.500.000.000	6.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	974.832.010	361.377.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(125.167.990)	(1.907.601.819)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.632.316.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.632.316.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	18.537.769.545	8.847.209.642
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.927.255.250	4.080.045.608
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.465.024.795	12.927.255.250



Người lập biểu
Trần Thị Vân



Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Khâm



Giám đốc
Đào Văn Dũng
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800282498 đăng ký lần đầu ngày 18/07/2003 và được thay đổi lần 11 ngày 05/08/2025 do sở tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 32.628.180.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 09 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 09 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác và chế biến đất sét; Khai thác chế biến Bauxits; Khai thác cát đất đồi; Sửa chữa cơ khí – điện; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2025 Công ty mẹ đang tạm ngừng hoạt động khai thác đá do các mỏ đá được cấp phép đã hết thời hạn khai thác. Do vậy hiện tại công ty chỉ còn hoạt động gửi tiền ngân hàng và đầu tư vào Công ty con.

1.5 Cấu trúc công ty

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có một (01) công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	Thái Nguyên	99,99%	99,99%	Khai thác đá

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025 Công ty chỉ còn mỏ Hang Trai 2 (mỏ của Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên) đang được khai thác. Công ty mẹ đang ngừng hoạt động khai thác do các mỏ đá được cấp phép đã hết thời hạn khai thác, một số mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ. Ban lãnh đạo Công ty mẹ cũng đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty mẹ có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đang thực hiện triển khai một số biện pháp trong kế hoạch tăng sản lượng khai thác tại mỏ Hang Trai 2 cũng như tăng doanh thu bán hàng hóa tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên. Ban giám đốc cũng đang trong quá trình nghiên cứu, triển khai tìm phương án hoạt động kinh doanh trong thời gian tới cho Công ty. Do đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng, việc lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp theo quy định hiện hành.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành..

3.5 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	05 - 14

3.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.12 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2025</u> VND	<u>01/01/2025</u> VND
Tiền mặt	222.601.661	863.466.820
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.242.423.134	10.563.788.430
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	1.500.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	<i>22.000.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
Tổng Cộng	<u>31.465.024.795</u>	<u>12.927.255.250</u>

- Tiền gửi online tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Kỳ hạn 1 tháng; Lãi suất 4,75%/năm; Giá trị cuối kỳ tại ngày 31/12/2025 là 9.000.000.000 VND.

- Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng lãi suất tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Dương; Giá trị tại ngày 31/12/2025 là 13.000.000.000 VND.

4.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

4.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

	<u>31/12/2025</u> VND	<u>01/01/2025</u> VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	7.600.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	2.000.000.000	3.500.000.000
Cộng	<u>9.600.000.000</u>	<u>8.500.000.000</u>

(*) Tiền gửi online tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương; Kỳ hạn 12 tháng; Lãi suất 4,2%/năm; Giá trị : 2.000.000.000 vnd.

(**) HĐ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải dương - PGD Hoàng Thạch gồm 3 hợp đồng:

Số hợp đồng tiền gửi	Giá trị	Lãi suất/năm
Số 04/2023/2282773/HĐTG ngày 29/12/2023	2.000.000.000	5,60%/năm
Số 02/2025/2282773/HĐTG ngày 03/05/2025	2.600.000.000	4,20%/năm
Số 01/2025-2282773/HĐTG ngày 24/12/2025	3.000.000.000	5,80%/năm

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công Ty TNHH Hoàng Anh Văn	120.335.750	-	1.136.218.250	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Lê Duy	295.641.500	-	694.793.000	-
Công Ty TNHH Vlxđ Vận Tải Trường Khánh	170.311.750	-	345.399.750	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư 288 Thái Nguyên	296.486.750	-	135.207.000	-
Công Ty TNHH Hòa Phát Thái Nguyên	155.809.500	-	-	-
Các khách hàng khác	1.863.572.500	(1.552.959.500)	2.146.370.250	(1.552.959.500)
Tổng Cộng	2.902.157.750	(1.552.959.500)	4.457.988.250	(1.552.959.500)

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các đối tượng khác	112.000.000	-	58.217.460	-
Tổng Cộng	112.000.000	-	58.217.460	-

4.5 Phải thu khác**4.5.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	10.538.761.047	-	10.001.605.060	-
Lãi dự thu tiền gửi	268.447.125	-	82.816.439	-
Các khoản phải thu khác	36.768.691	-	-	-
Tổng Cộng	10.843.976.863	-	10.084.421.499	-

4.5.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	533.735.483	-	487.184.153	-
Tổng Cộng	533.735.483	-	487.184.153	-

4.6 Nợ quá hạn

Thời gian quá hạn	Giá gốc	31/12/2025		01/01/2025	
		VND	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			VND		VND
Công ty cổ phần TM Thành Vinh	Trên 3 năm	181.051.800	(181.051.800)	181.051.800	(181.051.800)
Công ty Nguyên Liệu vật tư Thiết Bị	Trên 3 năm	140.000.000	(140.000.000)	140.000.000	(140.000.000)
Công ty TNHH Hoàng Lương	Trên 3 năm	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
Công ty TNHH Sơn Thịnh	Trên 3 năm	305.471.000	(305.471.000)	305.471.000	(305.471.000)
Công ty TNHH Vĩnh Ngọc	Trên 3 năm	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Công ty TNHH Đức Thành	Trên 3 năm	282.248.000	(282.248.000)	282.248.000	(282.248.000)
Công ty TNHH ánh Dương	Trên 3 năm	163.061.700	(163.061.700)	163.061.700	(163.061.700)
Công ty CP cơ khí & XD Thuận Thiên	Trên 3 năm	20.936.000	(20.936.000)	20.936.000	(20.936.000)
Công ty cổ phần Thống Nhất(Đá XD)	Trên 3 năm	78.628.500	(78.628.500)	78.628.500	(78.628.500)
Công ty TNHH MTV TM & VT Đại Phú	Trên 3 năm	163.020.500	(163.020.500)	163.020.500	(163.020.500)
Xí Nghiệp 558(ông Phụng)	Trên 3 năm	128.542.000	(128.542.000)	128.542.000	(128.542.000)
Tổng Cộng		1.552.959.500	(1.552.959.500)	1.552.959.500	(1.552.959.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	2.287.937.546	13.556.267.970	942.735.650	79.490.000	-	16.866.431.166
Đầu tư XDCB hoàn thành	306.869.388	-	-	-	-	306.869.388
Số dư tại 30/06/2025	2.594.806.934	13.556.267.970	942.735.650	79.490.000	-	17.173.300.554
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2025	1.323.662.487	9.508.933.045	942.735.650	79.490.000	-	11.854.821.182
Khấu hao trong năm	111.853.795	1.150.391.580	-	-	-	1.262.245.375
Giảm khác	-	(135.157.447)	-	-	-	(135.157.447)
Số dư tại 31/12/2025	1.435.516.282	10.524.167.178	942.735.650	79.490.000	-	12.981.909.110
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2025	964.275.059	4.047.334.925	-	-	-	5.011.609.984
Số dư tại 31/12/2025	1.159.290.652	3.032.100.792	-	-	-	4.191.391.444
					31/12/2025	01/01/2025
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:					-	-
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					3.994.062.154	2.930.986.658

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.8 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	166.256.091	-	161.152.126	-
Công cụ, dụng cụ	178.835.135	-	47.794.958	-
Thành phẩm	12.682.851	-	130.158.199	-
Hàng hoá	6.862.950	-	956.941	-
Tổng Cộng	364.637.027	-	340.062.224	-

4.9 Chi phí trả trước ngắn hạn**a) Ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.500.000	19.675.879
Các khoản khác	27.258.065	29.916.668
Tổng Cộng	64.758.065	49.592.547

b) Dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	8.120.627.879	7.161.791.183
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (ii)	7.092.892.962	7.427.991.153
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	241.686.689	31.680.000
Tổng Cộng	15.455.207.530	14.621.462.336

(i) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Hang Trai 2.

(ii) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 38.069,9 m² đất tại xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên để phục vụ Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Hang Trai 2.**4.10 Lợi thế thương mại**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	12.975.830.030	12.975.830.030
Phát sinh trong năm	-	-
Số cuối năm	12.975.830.030	12.975.830.030
Phân bổ lũy kế		
Số đầu năm	(8.218.025.683)	(6.920.442.681)
Phân bổ trong năm	(1.297.583.002)	(1.297.583.002)
Số cuối năm	(9.515.608.685)	(8.218.025.683)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	4.757.804.347	6.055.387.349
Số cuối năm	3.460.221.345	4.757.804.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.11 Chi phí phải trả

4.11.1 Ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí điện sản xuất	145.924.266	203.207.204
Các khoản khác	148.000.000	50.000.000
Tổng Cộng	293.924.266	253.207.204

4.12 Phải trả khác

4.12.1 Ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả do chia cổ tức bằng tiền	1.631.409.000	-
Kinh phí công đoàn	-	22.908.502
Thuế TNCN phải thu của CBNV	11.945.523	11.945.523
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	2.000.000.000	-
Phải trả khác	76.104.000	230.846.495
Tổng Cộng	3.719.458.523	265.700.520

4.13 Dự phòng phải trả

a) Ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*)	10.987.755.491	10.690.891.827
Cộng	10.987.755.491	10.690.891.827

b) Dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*)	624.532.535	1.515.858.963
Cộng	624.532.535	1.515.858.963

(*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được UBND tỉnh Hải Dương, UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt và được điều chỉnh lại theo các quyết định:

- Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 07/04/2023 – mỏ Hàm Long.
- Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 07/04/2023 – mỏ Áng Rong.
- Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 – mỏ Bắc Tân Sơn.
- Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 – mỏ Áng Bát.

Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ngắn hạn tại thời điểm cuối năm gồm mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn, Bắc Tân Sơn.

Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường dài hạn cuối năm bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong, Bắc Tân Sơn, Hang Trai 2.

4.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2025		Phát sinh trong năm		01/01/2025	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.863.207.013	4.520.012.245	4.814.585.331	-	1.568.633.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.496.722	3.251.246.056	4.032.102.532	4.551.246.056	672.496.722	2.732.102.532
Thuế thu nhập cá nhân	-	148.409.041	456.343.679	553.829.220	-	50.923.500
Thuế tài nguyên	-	2.873.771.697	4.677.437.851	7.255.602.529	-	295.607.019
Thuế nhà đất và thuê đất	32.358.444	-	348.452.136	343.613.444	27.519.752	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	22.827.900	22.827.900	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	153.688.425	4.165.838.328	4.206.241.053	-	113.285.700
Cộng	704.855.166	8.290.322.232	18.223.014.671	21.747.945.533	700.016.474	4.760.552.678

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.15 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2024	32.628.180.000	3.900.020.610	1.166.822	36.529.367.432
Lãi trong năm	-	5.619.528.486	1.018.905	5.620.547.391
Trích lập các quỹ		(50.000.000)		(50.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	32.628.180.000	9.469.549.096	2.185.727	42.099.914.823
Số dư tại 01/01/2025	32.628.180.000	9.469.549.096	2.185.727	42.099.914.823
Lãi trong năm	-	14.377.400.585	1.652.180	14.379.052.765
Tặng khác	-	135.157.447	-	135.157.447
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 (*)	-	(1.631.409.000)	-	(1.631.409.000)
Trả cổ tức bằng tiền (*)	-	(1.631.409.000)	(907.500)	(1.632.316.500)
Trích lập các quỹ	-	(519.959.867)	(40.133)	(520.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	32.628.180.000	20.199.329.261	2.890.274	52.830.399.535

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo:

- Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2025 về việc trả cổ tức bằng tiền năm 2024. Trong đó tỷ lệ thực hiện 5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng); thời gian thực hiện 11/11/2025.
- Nghị Quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền. Trong đó tỷ lệ thực hiện 5% (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng); Ngày chốt danh sách cổ đông: 29/12/2025; ngày thanh toán 21/01/2026. Theo đó vào ngày 21/01/2026 Công ty thực hiện chi cổ tức bằng tiền do vậy hiện tại khoản này đang được treo trên khoản mục phải trả khác tại thời điểm 31/12/2025.

4.17b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025			01/01/2025	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Ngô Quang Huy	797.219	7.972.190.000	24,43%	6.350.190.000	19,46%
Ông Phạm Hồng Thịnh	672.860	6.728.600.000	20,62%	1.598.000.000	4,90%
Ông Đoàn Văn Cường	24.499	244.990.000	0,75%	244.990.000	0,75%
Ông Hồ Văn Tuấn	168.300	1.683.000.000	5,16%	102.860.000	0,32%
Ông Nguyễn Xuân Kiên	660.000	6.600.000.000	20,23%	6.600.000.000	20,23%
Phạm Đức Khoa	261.890	2.618.900.000	8,03%	1.606.900.000	4,92%
Đào Văn Tiến	253.849	2.538.490.000	7,78%	1.590.220.000	4,87%
Phạm Thị Thu Hằng	183.812	1.838.120.000	5,63%	692.940.000	2,12%
Các cổ đông khác	240.389	2.403.890.000	7,37%	13.842.080.000	42,42%
Tổng Cộng	3.262.818	32.628.180.000	100%	32.628.180.000	100%

4.17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	32.628.180.000	32.628.180.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	32.628.180.000	32.628.180.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.631.409.000	-

4.17d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.262.818	3.262.818
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu bán hàng hóa	47.915.120.000	32.973.057.500
Tổng Cộng	<u>47.915.120.000</u>	<u>32.973.057.500</u>

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm 2025	Năm 2024
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.609.511.628	14.529.895.959
Tổng Cộng	<u>20.609.511.628</u>	<u>14.529.895.959</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	1.100.985.435	343.944.497
Tổng Cộng	<u>1.100.985.435</u>	<u>343.944.497</u>

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	4.133.585.105	5.609.425.171
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.148.929	7.300.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.453.848	34.839.819
Thuế, phí và lệ phí	253.757.892	281.565.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.455.834	361.263.326
Chi phí bằng tiền khác	2.746.977.622	210.757.684
Tổng Cộng	<u>8.623.877.932</u>	<u>10.739.566.335</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.5 Thu nhập khác	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	613.097.000
Tiền thuế đất, mặt nước được giảm	194.415.730	-
Các khoản khác	2.117.975	43.584.750
Tổng Cộng	196.533.705	656.681.750

5.6 Chi phí khác	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt, chậm nộp	1.001.017.751	128.397.108
Các khoản khác	47.933.008	10.393.802
Tổng Cộng	1.048.950.759	138.790.910

5.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	-	-
Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	4.551.246.056	3.029.852.142
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.551.246.056	3.029.852.142

5.8 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	14.377.400.585	5.619.528.486
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	14.377.400.585	5.619.528.486
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.262.818	3.262.818
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.406	1.722

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.884.063.666	3.606.575.514
Chi phí nhân công	9.897.569.674	9.069.676.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.262.245.375	1.432.998.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.224.752.302	5.920.627.535
Chi phí khác bằng tiền	11.365.065.787	5.239.584.112
Tổng Cộng	27.737.254.952	25.269.462.294

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**6.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

6.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

6.3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông/Bà: Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	195.490.000	179.074.000
Ông/Bà: Bùi Văn Quang	Trưởng ban kiểm soát	164.758.000	149.131.000
Ông/Bà: Hồ Văn Tuấn	Thành viên ban kiểm soát	143.834.000	119.834.000
Ông/Bà: Cao Văn Cẩn	Thành viên ban kiểm soát	-	149.497.000
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc	207.174.000	190.533.000
Ông Nguyễn Hưu Khiêm	Kế toán trưởng	197.136.000	180.383.000
		908.392.000	968.452.000

6.4. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

6.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.



Người lập biểu
Trần Thị Vân



Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Khiêm



Giám đốc

Đào Văn Dũng
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 24 tháng 03 năm 2026